

CHẾ ĐỊNH BÀO CHỮA BẮT BUỘC TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN PHÚ LÂM*

Chế định bào chữa bắt buộc là một phần của quyền bào chữa được áp dụng cho một số chủ thể đặc biệt mà luật định trong tố tụng hình sự. Bào chữa bắt buộc như là một biện pháp bảo đảm cho những chủ thể đó được quyền có người bào chữa để bảo vệ họ trước những cáo buộc chống lại họ trong một vụ án hình sự. Đây chính là nội dung bài viết đề cập nhằm đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp với một số nhiệm vụ trọng tâm như tăng cường hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử hình sự.

Từ khóa: Chế định; bào chữa bắt buộc; tố tụng hình sự; người bào chữa.

The provisions of compulsory defense in criminal proceedings in Vietnam

Compulsory defense is a part of the right to defense applied to certain subjects prescribed by law in criminal proceedings. Mandatory defense is a means to guarantee such subjects' right to have defense counsels to protect them from the charges brought about in criminal cases. This article clarifies the provision of compulsory defense in criminal proceedings to promote judicial reform in Vietnam with critical tasks such as strengthening litigation activities at criminal trials.

Keywords: Regulation; mandatory defense; criminal proceedings; defense.

NGÀY NHẬN: 09/10/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 19/11/2023

NGÀY DUYỆT: 15/12/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.335.2023.713>

1. Đặt vấn đề

Từ góc độ lý luận, quyền bào chữa nói chung và bào chữa bắt buộc nói riêng có vai trò rất quan trọng đối với công cuộc cải cách tư pháp nhằm mục đích thúc đẩy sự hoàn thiện nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Thời gian qua, việc áp dụng chế định bào chữa bắt buộc với người bị buộc tội chưa được các chủ thể có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện để bảo đảm các quyền con người, quyền bào chữa và quyền bào chữa bắt buộc... cho người bị buộc tội; đồng thời, cũng chưa làm hết vai

trò, nhiệm vụ, chức năng của mình, dẫn tới chất lượng giải quyết vụ án vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Các quy định về chế định bào chữa bắt buộc và các quy định khác liên quan trong tố tụng hình sự... đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ nhằm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật sát với thực tiễn; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo vệ nghiêm minh pháp chế xã hội chủ nghĩa.

* NCS, Học viện Khoa học xã hội

2. Quyền bào chữa bắt buộc trong tố tụng hình sự

Quyền bào chữa là một quyền quan trọng của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Các chủ thể này được quyền sử dụng tất cả những biện pháp mà pháp luật không cấm để chống lại, bác bỏ, phủ nhận lời buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng và người thi hành tố tụng hoặc để làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình trong vụ án. Họ có thể trực tiếp thực hiện (tự bào chữa) hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình và ngay cả khi họ đã nhờ người khác bào chữa thì điều này cũng không làm mất đi quyền tự bào chữa.

Quyền bào chữa được xem như là phương tiện pháp lý cần thiết để những chủ thể bị buộc tội trong tố tụng hình sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Thừa nhận quyền bào chữa là thừa nhận tính tranh tụng trong hoạt động tố tụng - điều kiện không thể thiếu được cho việc xét xử khách quan, công minh một vụ án.

Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, tuy nhiên, nếu nhìn từ tính phức tạp của quá trình giải quyết vụ án hình sự thì vấn đề tự bào chữa là việc hết sức khó khăn. Do vậy, bào chữa thông qua sự trợ giúp của người có kiến thức pháp luật và kinh nghiệm hoạt động tố tụng là hình thức phổ biến và chủ đạo. Thông thường sự tham gia của người bào chữa phụ thuộc vào ý chí của người bị buộc tội. Họ có thể trực tiếp mời hoặc ủy quyền cho người thân của mình mời người bào chữa. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt, luật quy định sự tham gia của người bào chữa vụ án mà không phụ thuộc vào ý chí của người bị buộc tội. Đó là các trường hợp người bị buộc tội có khó khăn trong việc thực hiện quyền bào chữa của họ. Trong lý luận gọi là bào chữa bắt buộc, còn trong thực tiễn gọi là bào chữa chỉ định¹.

Nghiên cứu về các chuẩn mực của chế định bào chữa bắt buộc cho thấy, bào chữa bắt buộc được cấu thành bởi hai quyền cơ bản của người bị buộc tội, bao gồm hai cách tiếp cận: "quyền được bào chữa chủ động" và "quyền được bào chữa thụ động" hay còn gọi là "quyền được bào chữa chỉ định".

(1) Quyền được bào chữa chủ động là các hoạt động bào chữa phụ thuộc vào ý chí, nguyện vọng, mong muốn của người bị buộc tội. Họ có thể trực tiếp mời hoặc ủy quyền cho người thân của mình mời người khác bào chữa cho mình.

(2) Quyền được bào chữa thụ động hay còn gọi là quyền được bào chữa chỉ định đề cập tới không chỉ là quyền bào chữa của người bị buộc tội mà còn là trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng và người thi hành tố tụng có thẩm quyền trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, đó là kể cả khi người bị buộc tội và người thân thích của họ không mời, không nhờ người khác bào chữa cho họ thì cơ quan tiến hành tố tụng vẫn bắt buộc phải có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp, chỉ định được người bào chữa cho họ. Và kể cả khi đã được chỉ định người bào chữa cũng không làm mất đi quyền được bào chữa chủ động của họ.

Với chế định bào chữa bắt buộc thì sự "bắt buộc" ở đây là "bắt buộc" đối với cơ quan tiến hành tố tụng và người thi hành tố tụng chứ không phải là "bắt buộc" với người bị buộc tội hay người đại diện hoặc người thân thích của họ. Những chủ thể được áp dụng chế định bào chữa bắt buộc trong *Bộ luật Tố tụng hình sự* là những đối tượng có khó khăn về tâm lý, khó khăn về nhận thức, khó khăn về thể chất mà những khó khăn này gây ảnh hưởng rất lớn đến công tác giải quyết một vụ án hình sự và cũng chính những khó khăn này lại là lý do mà người bào chữa được chỉ định để tham gia vào quá trình giải quyết vụ án. Các chủ thể trong

những vụ án áp dụng chế định bào chữa bắt buộc sẽ có ba quyền cơ bản: quyền lựa chọn người bào chữa chỉ định, quyền yêu cầu thay đổi người bào chữa chỉ định và quyền từ chối người bào chữa chỉ định. Với những mối quan hệ đối kháng trong xã hội thì quyền lợi của bên này sẽ là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu: “Bào chữa bắt buộc trong tố tụng hình sự là quyền được bào chữa chỉ định của những người bị buộc tội có khó khăn trong việc tự thực hiện quyền bào chữa. Cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ phải bảo đảm có người bào chữa miễn phí nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng cho họ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự”.

3. Đặc trưng của chế định bào chữa bắt buộc trong tố tụng hình sự Việt Nam

Bộ luật Tố tụng hình sự quy định trong một số trường hợp đặc biệt nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ, đó là những trường hợp người bị buộc tội có khó khăn trong việc thực hiện quyền bào chữa của họ.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, quyền được người khác bào chữa là một quyền mặc nhiên của người bị buộc tội. Song song với việc tự bào chữa, họ có thể đồng thời tự mình thực hiện việc bào chữa và trực tiếp mời hoặc ủy quyền cho người thân của mình mời người khác bào chữa. Việc lựa chọn người bào chữa phụ thuộc vào ý chí của người bị buộc tội. Họ có quyền tự mời, thuê người bào chữa và chi phí thuê người bào chữa là sẽ do họ tự chi trả.

Trong trường hợp bào chữa bắt buộc của pháp luật về tố tụng hình sự, bản thân những chủ thể được hưởng quyền có được người bào chữa chỉ định tức là những người đã có

khó khăn nhất định trong việc tự thực hiện quyền bào chữa như vậy việc tự bào chữa của họ là không thể phát huy, do đó chỉ có thể nhờ người khác bào chữa và khi họ không thể chủ động nhờ người khác bào chữa thì cơ quan tiến hành tố tụng phải có nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm có người bào chữa cho họ tham gia tố tụng. Trong trường hợp này, cơ quan tiến hành tố tụng chỉ được tiến hành tố tụng khi đã chỉ định người bào chữa tham gia. Việc bảo đảm sự tham gia của người bào chữa là nhiệm vụ bắt buộc đối với cơ quan tiến hành tố tụng.

Cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện nghĩa vụ chỉ định người bào chữa là hành vi vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong trường hợp này Người bị buộc tội vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa do cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định. Nếu người bị buộc tội yêu cầu thay đổi người bào chữa cơ quan tiến hành tố tụng phải có nghĩa vụ phải cử người bào chữa khác cho họ. Chi phí trả thù lao cho người bào chữa chỉ định sẽ do Nhà nước chi trả. Sự tham gia của người bào chữa lúc này có những đặc trưng khác biệt so với các trường hợp bào chữa thông thường, cụ thể như sau:

(1) Cơ sở pháp lý đầu tiên để người bào chữa tham gia vào vụ án là sự chủ động thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng thông qua hình thức yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền cử người bào chữa cho người bị buộc tội.

(2) Văn bản, quyết định cử, phân công của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (Đoàn luật sư; tổ chức hành nghề luật sư; trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận là cơ sở pháp lý tiếp theo để người bào chữa tham gia vào vụ án chứ không phải là sự thỏa thuận giữa người bị buộc tội với người bào chữa.

(3) Những chủ thể là người bị buộc tội mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đã được cử cho họ. Quyền bào chữa là quyền chủ thể của người bị buộc tội do vậy trong mọi trường hợp thì ý chí của họ có tính quyết định đối với sự tham của người bào chữa vào trong vụ án và các cơ quan tiến hành tố tụng phải tôn trọng quyết định đó của chủ thể. Trường hợp thay đổi người bào chữa thì việc chỉ định người bào chữa khác được thực hiện lại từ đầu. Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội hoặc người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa. Người bị buộc tội hoặc người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội vẫn có thể tiến hành mời người bào chữa mà họ tin tưởng để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình trong vụ án như các trường hợp thông thường khác.

(4) Chi phí cho người bào chữa do Nhà nước chịu. Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự là quy định thể hiện tính nhân đạo của *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015. Quy định của pháp luật về sự bắt buộc có người bào chữa trong vụ án cho người bị buộc tội nhằm bảo đảm quyền bào chữa cho họ. Quyền bào chữa không chỉ cần thiết cho người bị buộc tội mà còn cần thiết và có lợi cho chính các cơ quan tiến hành tố tụng, cho nhiệm vụ xác định sự thật khách quan của vụ án, xét xử đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

4. Chủ thể được áp dụng chế định bào chữa bắt buộc trong tố tụng hình sự

Những chủ thể được áp dụng chế định bào chữa bắt buộc trong *Bộ luật Tố tụng*

hình sự là những đối tượng có khó khăn trong việc tự thực hiện quyền bào chữa của họ, đó là những khó khăn về tâm lý, về nhận thức, khó khăn về thể chất... đã gây ảnh hưởng lớn đến công tác giải quyết vụ án hình sự. Những thủ tục đặc biệt này đặt ra những yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn về nghĩa vụ tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quan hệ với người bị buộc tội nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực có thể có đối với quá trình giải quyết vụ án. Đó là những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, liên quan đến các chủ thể là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa hoặc nhược điểm về tâm thần, hoặc bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình.

Quyền con người trong tư pháp hình sự là quyền tự nhiên vốn có của bất kỳ người nào chỉ phát sinh khi một cá nhân phải đối mặt với những thủ tục tố tụng hình sự của bộ máy quyền lực nhà nước do đã thực hiện một hành vi (thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động) có dấu hiệu của tội phạm được quy định trong pháp luật hình sự của quốc gia hoặc pháp luật hình sự quốc tế. Đây là đặc điểm căn bản để phân biệt quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự với quyền con người ở những lĩnh vực khác. Cùng với việc quy định tội phạm và hình phạt cũng diễn ra một chu trình ngược lại, đó là việc bảo đảm bằng được những quyền cơ bản, thiết thân của người bị buộc tội. Hai quá trình này đều cần thiết và được tiến hành đồng thời: “Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền thực hiện chức năng bảo vệ những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại tránh khỏi sự xâm hại của các hành vi vi phạm”².

Các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự được ban hành làm cho quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể được trở thành hiện thực trong quá trình giải quyết vụ án. Người bị buộc tội khi tham gia vào các hoạt động tố tụng hình sự, dù với tư cách là bị can, bị cáo thì họ vẫn được pháp luật bảo vệ và tôn trọng những quyền cơ bản, thiết thân của con người. Cho dù họ là những đối tượng bị hoặ có khả năng bị áp dụng trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất như những bị can, bị cáo về tội mà *Bộ luật Hình sự* quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình nhưng những quyền cơ bản, thiết thân nhất như: quyền được tôn trọng về nhân phẩm, quyền không bị tra tấn, đánh đập khi bị giam giữ, bị chấp hành án phạt tù... và những quyền tư pháp như: được xét xử công bằng, được điều tra khách quan trong quá trình tố tụng... vẫn phải được tôn trọng và bảo đảm.

Để bảo đảm tuyệt đối những quyền cơ bản của con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự, pháp luật tố tụng hình sự tại Việt Nam quy định những trường hợp nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ (gọi là bào chữa bắt buộc). Những nhà làm luật Việt Nam khi xây dựng những điều khoản áp dụng cho những chủ thể bắt buộc phải có người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án thông thường trên hai tiêu chí: (1) Những chủ thể đặc biệt có khiếm khuyết về thể chất, khó khăn trong việc tự bảo vệ mình và (2) Những chủ thể có khó khăn về mặt tâm lý khi bị buộc tội bởi những tội phải đối diện bằng những hình phạt nghiêm khắc nhất.

Tại Việt Nam, Điều 4 *Luật Người khuyết tật* năm 2010 của Việt Nam đã quy định

người khuyết tật là “Người được bảo đảm thực hiện quyền trợ giúp pháp lý”. Theo Điều 2 *Luật Trợ giúp pháp lý* năm 2017 quy định: “Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của *Luật này*”; điểm d khoản 7 Điều 7 *Luật Trợ giúp pháp lý* năm 2017 có khẳng định “Người khuyết tật” là người được trợ giúp pháp lý.

Bộ luật Hình sự Việt Nam quy định tội phạm và hình phạt áp dụng cho người phạm tội thông qua các văn bản pháp luật hình sự, với nguyên tắc một người chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội. Tinh thần này được thể hiện trong *Bộ luật Hình sự* năm 2015 và được quy định tại Điều 8 về khái niệm tội phạm.

Như vậy, bên cạnh hành vi nguy hiểm cho xã hội, tội phạm phải do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, nên hành vi nguy hiểm cho xã hội do người không đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện sẽ không bị coi là tội phạm và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều 21 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 quy định tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự: “Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Trong quá trình áp dụng luật hình sự, chỉ khi nào xuất hiện những căn cứ nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự, các cơ quan có trách nhiệm mới cần kiểm tra. Việc xác định năng lực trách nhiệm hình sự không đòi hỏi bắt buộc với từng trường hợp cụ thể. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự được xác định dựa trên hai dấu hiệu: dấu hiệu về y học và dấu hiệu về tâm lý.

Pháp luật hình sự đã khẳng định người khuyết tật bị cáo buộc phạm tội có quyền bào chữa như những người bị cáo buộc phạm tội khác với nội hàm họ được quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa cho họ. Điều đó khẳng định bào chữa là quyền của họ. Những người có nhược điểm về tâm thần thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự thì mới bị buộc tội. Hay có thể hiểu rằng người có nhược điểm về thể chất, tâm thần mà không thể tự bào chữa là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, tức là người do tình trạng thể chất (như mù, lòa, câm, điếc, tàn tật nặng...) hoặc tinh thần nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi và vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự thì mới thuộc trường hợp được quy định tại mục b khoản 1 Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do không có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể nên trong thực tiễn đã có nhiều quan điểm chưa thống nhất về người khuyết tật có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa và người có nhược điểm về tâm thần. Vì vậy, xác định có hay không có nhược điểm về thể chất và tâm thần sẽ do cơ quan giám định pháp y tâm thần thực hiện và ra kết luận. Cơ quan tiến hành tố tụng sẽ trung cầu giám định pháp y và căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần để quyết định trường hợp nào sẽ chỉ định hay không chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội chứ không tự mình áp dụng nếu chưa có kết luận của Hội đồng này.

5. Kết luận

Việc xác định khái niệm quyền bào chữa, quyền bào chữa bắt buộc của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự trên cơ sở lý luận và thực tiễn là cần thiết. Nghiên cứu, tìm hiểu về chế định bào chữa bắt buộc trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không thể tách

rời quá trình nghiên cứu, tìm hiểu về quyền bào chữa nói chung. Chính vì vậy, rất cần có những nghiên cứu chuyên sâu, đánh giá công tâm khách quan về thực trạng để làm sáng tỏ về chế định bào chữa bắt buộc trong tố tụng hình sự Việt Nam là cần thiết; từ đó đề ra những giải pháp thiết thực nhằm bảo đảm cho các quy định tôn nghiêm của pháp luật thực sự đi vào cuộc sống xã hội □

Chú thích:

1. Nguyễn Thái Phúc. *Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (tháng 10/2009), tr. 2.
2. Nguyễn Ngọc Chí (sách chuyên khảo). *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*. H. NXB Hồng Đức, 2015, tr. 15.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hòa Bình. *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2016.
2. *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.
3. *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*.
4. Phạm Xuân Chiến, Vũ Đức Khiển. *Họ vẫn chưa bị coi là có tội - Quyền và nghĩa vụ của bị can, bị cáo*. H. NXB Pháp lý, 2014.
5. *Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR), "Việt Nam đã tham gia Công ước này từ năm 1982"*.
6. *Hiến pháp năm 2013*.
7. Phan Trung Hoài. *Những điểm mới về chế định bào chữa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, 2016.
8. *Luật Người khuyết tật năm 2010*.
9. *Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017*.
10. *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
11. *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách Tư pháp đến 2020*.
12. *Tuyên ngôn Quốc tế về nhân quyền năm 1948 của Liên hiệp quốc*.